

弟子規

**ĐỆ TỬ QUY**



# LỜI GIỚI THIỆU

Đệ Tử Quy là sách của Nho gia, tuy là một quyển sách nhỏ nhưng có giá trị lớn trong sự giáo dục đạo lý làm người.

Đệ Tử Quy 弟子規, dịch ra tiếng Việt thì Quy là *khuôn phép, phép tắc*, Đệ Tử bao gồm ba nghĩa: Đệ là *người em*, Tử là *người con*, Đệ Tử là *người học trò*. Như vậy nghĩa từ này là "phép tắc của người làm con, làm em, làm học trò", ý nghĩa là "khuôn phép để trở thành người tốt", theo các nghĩa trên thì bất cứ ai cũng đều có vai trò là người Đệ Tử, vậy Đệ Tử Quy dịch là "Đạo Làm Người" vừa ngắn gọn vừa đầy đủ ý nghĩa.

Tác phẩm này ban đầu có tên Huấn Mong Văn 訓蒙文 nghĩa là "bài văn dạy trẻ", tác giả là tú tài Lý Dục Tú 李毓秀 viết khoảng đời vua Khang Hy triều Thanh, ông chọn lấy những điều Đức Thánh Khổng Tử dạy tại điều thứ sáu trong thiên Học Nhi 學而 sách Luận Ngữ 論語, chia làm bảy chương xuyên suốt nội dung sách. Trong mỗi chương, hoặc là tập cú, hoặc tập ý theo các câu cổ văn, hoặc là tự sáng tác, dùng lối văn vần ba chữ biên soạn thành sách. Thời gian sau, ông Giả Tồn Nhân 賈存仁 biên tập tiếp và đổi tên sách là Đệ Tử Quy.

Cuốn sách đặc biệt chú trọng đến giáo dục đạo đức theo tinh thần "tiên học lễ, hậu học văn" của nhà Nho, trọng tâm tư tưởng là "hiếu 孝 悌 謹 信 仁 愛", giáo dục con người từ khi còn nhỏ khuôn phép lễ nghi và nguyên tắc cầu học, ngăn ngừa những hành vi tư tưởng tà vạy, giữ lòng chân thành, trước tiên hết lòng hiếu thảo phụng dưỡng cha mẹ, kế đến là anh em hoà thuận, kính nhường người trên, làm việc cẩn thận chu đáo ngăn nắp, nói lời thành thực, luôn giữ chữ tín, cử chỉ thân thiện, yêu quý mọi người, thương khắp muôn loài, luôn gần gũi học hỏi người nhân từ đạo đức, chăm chỉ rèn luyện học tập, tu dưỡng phẩm hạnh chân chính, trở thành người có đức có tài, làm tròn bổn phận trách nhiệm của mình, mang lại lợi ích cho bản thân gia đình và xã hội. Mỗi chữ mỗi câu trong sách đều là khuôn vàng thước ngọc, với người lớn thì sách là cẩm nang để sửa mình và dạy con cháu, với thanh thiếu niên thì sách là thầy dẫn đường dạy đạo làm người, đây là quyển sách tốt nhất trong việc giáo dục con người xây dựng một nền gia phong trung hậu, làm cho thế giới hoà bình, là con đường đạt đến hạnh phúc trong cõi nhân sinh.

*Ngày lành xuân Mậu Tuất*

*Đệ tử Học Phật kính đề !*

## VỀ NỘI DUNG CUỐN SÁCH

Mở đầu cuốn sách tác giả viết bài Tổng Tự tóm lược nội dung toàn bộ cuốn sách như sau: *Đệ tử quy, Thánh nhân huấn, Thủ hiếu để, Thứ cần tín, Phiếm ái chúng, Nhi thân nhân, Hữu dư lực, Tắc học văn.* 弟子規、聖人訓、首孝弟、次謹信、汎愛眾、而親仁、有餘力、則學文。 Nghĩa là: Đức Thánh Khổng Tử dạy đạo làm người, trước nhất phải hiếu thảo phụng dưỡng cha mẹ, anh em hoà thuận, kính nhường người trên, kể đến là làm mọi việc phải cẩn thận chu đáo, nói lời thành thực giữ niềm tin, sống thân thiện, yêu thương tất cả mọi người, mọi vật, mà gần gũi những người nhân từ và đức hạnh, tôn thầy giỏi, kết bạn tốt để theo họ học tập. Làm cho trọn vẹn những điều nói trên rồi, tập trung học tập, tùy theo năng lực mà chọn lựa các môn học cho phù hợp, luôn cố gắng chăm học hành.

Đó là cách giáo dục của Nho giáo mà nền giáo dục các nước đến nay vẫn giữ theo nguyên tắc "*tiên học lễ, hậu học văn*", hai thứ học luôn đồng hành, nhưng chú trọng học lễ trước học văn sau, học lễ là tu dưỡng nhân phẩm để trở nên con người đích thực có hạnh kiểm đạo đức tốt, còn học văn bao gồm học chữ nghĩa văn chương, học các kiến thức hữu ích, tham gia các hoạt động xã hội, học làm các ngành nghề, để tu dưỡng trí tuệ, có trình độ hiểu biết, trở thành người có tài năng. Có đạo đức và tài năng thì mới đủ năng lực chăm lo cuộc sống, gây dựng sự nghiệp, làm lợi ích cho bản thân gia đình và xã hội.

“Tổng Tự” này căn cứ từ điều thứ sáu trong thiên Học Nhi sách Luận Ngữ: “*Tử viết: đệ tử nhập tắc hiếu, xuất tắc lễ, cẩn nhi tín, phiếm ái chúng, nhi thân nhân. Hành hữu dư lực, tắc dĩ học văn.* 子曰: 「弟子入則孝, 出則弟, 謹而信, 汎愛眾, 而親仁。行有餘力, 則以學文。」”  
Tạm dịch: “Đức Thánh Khổng Tử nói: là phận con em, vào thì hiếu thảo với cha mẹ, ra thì thuận với anh kính nhường người lớn tuổi, cẩn thận mà giữ niềm tin, rộng yêu thương mọi người, mà gần gũi người nhân đức. Thi hành những điều đó xong có bao nhiêu khả năng, thì tùy theo khả năng đó mà học văn chữ nghề nghiệp”.

Tác giả lấy lời này làm nòng cốt viết thành sách văn vân ba chữ gồm bảy chương, được trình bày theo các nội dung sau đây:

- Chương 1: Nhập tắc hiếu (*hiếu với cha mẹ*).
- Chương 2: Xuất tắc lễ (*kính nhường mọi người*).
- Chương 3: Cẩn (*sống cẩn thận*).
- Chương 4: Tín (*sống uy tín*)
- Chương 5: Phiếm ái chúng (*sống yêu thương*),
- Chương 6: Thân nhân (*kết bạn tốt*).
- Chương 7: Dư lực học văn (*chăm học hành*)

Sách gồm 90 khổ thơ chia thành 34 mục, được trình bày mỗi trang một khổ bốn câu chữ Hán, được phiên âm bằng chữ **in đậm**, dưới mỗi phiên âm là chữ *in nghiêng* dịch nghĩa đen chữ Hán đó, tiếp theo là lời giải thích ngắn gọn ý nghĩa. Phần dưới là chữ **in đậm** dịch theo thể văn vân ba chữ tiếng Việt. Phía sau in nguyên bản chính văn chữ Hán xếp hàng dọc, mỗi hàng một khổ bốn câu, đọc lật ngược như sách xưa.

# 弟子規

至

CHÍ

樂

LẠC

無

VÔ

如

NHƯ

讀

ĐỘC

書

THƯ

ĐỆ

TỬ

QUY

[ Đạo Làm Người ]

Sướng vui nhất không gì  
bằng niềm vui đọc sách

Cần gấp nhất chẳng gì  
bằng việc gấp dạy con

至

CHÍ

要

YẾU

莫

MẠC

如

NHƯ

教

GIÁO

子

TỬ

# ĐỆ TỬ QUY

# 弟子規

(Đạo Làm Người)

---

Tác giả: Lý Dục Tú  
Cải biên: Giả Tồn Nhân

---

Ngày lành mùa xuân năm Mậu Tuất 2018

Đệ tử Học Phật  
Cung kính soạn dịch

\*\*\*\*\*

File pdf sách Đệ Tử Quy trong đường link sau:

[https://drive.google.com/open?  
id=1xSDIdqjHe1V5xZs41ZZsjCaOrrzUiQzy](https://drive.google.com/open?id=1xSDIdqjHe1V5xZs41ZZsjCaOrrzUiQzy)

*Kính biểu file sách tới khắp muôn nơi  
Hoan nghênh sao lưu, chia sẻ, in tặng!*



## ◎ 總 敘

### TỔNG TỰ:

TÓM GỌN ĐẠI Ý

Tóm lược nội dung chính toàn bộ cuốn sách:

## 弟子規 聖人訓

Đệ tử quy, Thánh nhân huấn,

Em con khuôn phép, Thánh người dạy,

## 首孝弟 次謹信

Thủ hiếu đễ, Thứ cần tín,  
Trước nhất hiếu thảo kính thuận, Kế đến cần thận thành thực,

Đức Thánh Khổng Tử dạy đạo làm người:

Trước nhất phải hiếu thảo phụng dưỡng cha mẹ (*hiếu*),  
anh em hoà thuận, kính nhường người trên (*đễ*), kế đến là  
làm mọi việc phải cẩn thận chu đáo (*cần*), nói lời thành  
thực giữ niềm tin (*tín*).

## NỘI DUNG CHÍNH:

1

**Đạo Làm Người,  
Thánh nhân dạy,  
Trước “hiếu”, “kính”,  
Đến “cần”, “tín”,**

## 汎愛眾 而親仁

**Phiếm ái chúng, Nhi thân nhân,**  
*Rộng yêu thương nhiều, Mà gần gũi nhân đức,*

## 有餘力 則學文

**Hữu dư lực, Tắc học văn.**  
*Có còn dư khả năng, Thì học văn.*

Sống thân thiện, yêu thương tất cả mọi người, mọi vật (*ái*), mà gần gũi những người nhân từ và đức hạnh, tôn thầy giỏi, kết bạn tốt để theo họ học tập (*nhân*).

Làm cho trọn vẹn những điều nói trên rồi, tập trung học tập, tùy theo năng lực mà chọn lựa các môn học cho phù hợp, luôn cố gắng chăm học hành.

---

**“Sống yêu thương”,  
“Kết bạn tốt”,  
Luôn cố gắng,  
“Chăm học hành”.**

## ◎ 入 則 孝

### NHẬP TẮC HIẾU VÀO THÌ HIẾU THẢO

Là bốn phần làm con phải dốc lòng hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ ông bà tổ tiên, trăm nết hiếu trước nhất, trong chương này dạy chúng ta cách "hiếu thảo với cha mẹ", từ khi thơ bé biết vâng lời cha mẹ, đến khi lớn lên biết chăm lo phụng dưỡng cha mẹ, khi cha mẹ đã qua đời vẫn luôn nhớ ơn sinh thành dưỡng dục khôn nguôi.

父 母 呼 應 勿 緩

Phụ mẫu hô, Ứng vật hoãn,  
Cha mẹ gọi, Đáp chớ chậm,

父 母 命 行 勿 懶

Phụ mẫu mệnh, Hành vật lãn.  
Cha mẹ sai bảo, Làm chớ lười,

Khi cha mẹ gọi thì phải trả lời ngay lập tức, không nên ầm ờ, lơ đi như chưa nghe thấy, mãi mới đáp lại.

Khi cha mẹ sai bảo làm việc gì thì phải làm ngay, không nên lười biếng sợ việc hoặc lè mề chậm trễ, mãi mới làm.

---

HIẾU VỚI CHA MẸ:

2

**Cha mẹ gọi, Trả lời ngay,  
Cha mẹ bảo, Phải làm ngay.**

## 父 母 教 須 敬 聽

**Phụ mẫu giáo, Tu kính thính,**  
*Cha mẹ dạy, Phải kính nghe,*

## 父 母 責 須 順 承

**Phụ mẫu trách, Tu thuận thừa.**  
*Cha mẹ trách phạt, Phải thuận theo vâng nhận.*

Cha mẹ dạy bảo chúng ta là muốn chúng ta được tốt, cần phải cung kính lắng nghe và tiếp thu, chớ thờ ơ để ngoài tai như không có chuyện gì.

Khi chúng ta làm việc sai trái, cha mẹ trách mắng, răn dạy là muốn ta nhận ra lỗi lầm trở nên tốt hơn, chúng ta phải vui lòng tiếp nhận mà sửa chữa sai lầm, chớ cãi lại, làm cho cha mẹ bức bối đau lòng.

---

**Cha mẹ dạy,  
Phải lắng nghe,  
Cha mẹ mắng,  
Phải nhận lỗi.**

冬 則 溫 夏 則 清

Đông tắc ôn, Hạ tắc sảng,  
*Mùa đông thì ấm, Mùa hè thì mát,*

晨 則 省 昏 則 定

Thần tắc tỉnh, Hôn tắc định.  
*Sáng sớm thì thăm hỏi, Sẩm tối thì yên ổn.*

Bố trí nơi ở, nơi ngủ nghỉ cho cha mẹ được tốt, chăm sóc cha mẹ phải chu đáo, như mùa đông thì làm cho được ấm áp, mùa hè thì được mát mẻ, đảm bảo cha mẹ được khỏe mạnh.

Hàng ngày luôn quan tâm săn sóc, buổi sáng khi cha mẹ thức dậy tới thăm hỏi chuyện trò, buổi tối xếp đặt chỗ ổn định để cha mẹ ngủ được yên giấc.

**Đông cho ấm,  
Hè cho mát,  
Sáng hỏi thăm,  
Tối yên giấc.**

## 出 必 告 反 必 面

**Xuất tất cáo, Phản tất diện,**  
*Ra đi phải thưa báo, Quay về phải trình mặt,*

## 居 有 常 業 無 變

**Cư hữu thường, Nghiệp vô biến.**  
*Ở có lệ thường, Hành động không thay đổi.*

Trước khi ra khỏi nhà, phải nói cho cha mẹ biết mình đi đâu, khi trở về phải gặp cha mẹ, đi thưa về trình để cha mẹ yên tâm.

Nề nếp sinh hoạt hàng ngày phải giữ lệ thường, học tập, làm việc, vui chơi, ăn uống, ngủ, nghỉ phải có giờ giấc, có nguyên tắc, không được tùy tiện thay đổi, tránh cho cha mẹ phải lo lắng.

---

**Đi phải thưa,  
Về phải trình,  
Sống làm việc,  
Theo nguyên tắc.**

事 雖 小      勿 擅 爲

**Sự tuy tiểu,**  
*Việc dù nhỏ,*

**Vật thiện vi,**  
*Chớ tự tiện làm,*

苟 擅 爲      子 道 虧

**Cẩu thiện vi, Tử đạo khuy.**  
*Nếu tự tiện làm, Con đạo khiếm khuyết.*

Những việc không tốt, hoặc những việc chưa phân biệt được tốt xấu, cho dù là việc nhỏ cũng không được tự tiện làm.

Nếu tự tiện làm được những việc xấu nhỏ thì sẽ làm những việc xấu lớn, khiến cha mẹ phải lo lắng, đạo làm con hư hỏng, trở thành hành động bất hiếu.

**Việc xấu nhỏ,  
Cũng không làm,  
Nếu cứ làm,  
Là hư hỏng.**

物 雖 小      勿 私 藏

Vật tuy tiểu,  
*Vật dù nhỏ,*

Vật tư tàng,  
*Chớ riêng giấu,*

苟 私 藏      親 心 傷

Cẩu tư tàng, Thân tâm thương.  
*Nếu riêng giấu, Cha mẹ lòng đau buồn.*

Tài sản vật chất nếu là của chung hoặc là của người khác thì không được chiếm hữu thành của riêng dưới mọi hình thức, dạy trẻ ngay từ khi còn bé những đồ vật chung dù nhỏ cũng không được cất giấu làm của riêng.

Nếu giấu giếm riêng cho mình thì khác gì ăn cắp, trở nên người nhân phẩm đạo đức sút kém, lớn lên dễ thành người tham lam gian dối, trộm cắp, tham ô, khiến cho cha mẹ đau lòng.

---

**Đồ vật nhỏ,  
Cũng không giấu,  
Nếu giấu riêng,  
Cha mẹ buồn.**



## 親 所 好 力 爲 具

**Thân sở hiếu, Lực vi cụ,**  
*Cha mẹ điều mà yêu thích, Hết sức làm đủ,*

## 親 所 惡 謹 爲 去

**Thân sở ố, Cẩn vi khứ.**  
*Cha mẹ điều mà chán ghét, Thận trọng làm bỏ.*

Những đồ vật, những thứ hợp tình hợp lý hợp pháp, nếu cha mẹ thích thì chúng ta phải chuẩn bị sắm sửa, hết lòng phục vụ đầy đủ.

Trong phạm vi hợp lý, những đồ vật hoặc những việc làm mà cha mẹ không thích, cha mẹ chê, thì chúng ta phải chú ý cẩn thận trừ bỏ.

## 身有傷 貽親憂

**Thân hữu thương, Di thân ưu,**  
*Thân thể xảy ra đau đớn, Khiến cho cha mẹ lo lắng,*

## 德有傷 貽親羞

**Đức hữu thương, Di thân tu.**  
*Đạo đức xảy ra tổn hại, Khiến cho cha mẹ hổ thẹn.*

Phải biết giữ gìn sức khỏe, giữ thân thể cho chính mình không bị tổn thương là điều đầu tiên của đạo hiếu. Nếu thân thể của chúng ta bị thương, bị đau bệnh, thì cha mẹ rất lo lắng.

Làm người cần phải lập thân gây dựng sự nghiệp, hành đạo giúp đời, tạo phúc xã hội, để tiếng thơm làm cho cha mẹ vẻ vang là điều trọn vẹn của đạo hiếu. Nếu đức hạnh của chúng ta không tốt, thì cha mẹ cảm thấy rất xấu hổ.

---

**Thân thể đau,  
Cha mẹ lo,  
Đạo đức kém,  
Cha mẹ thẹn.**

## 親愛我 孝何難

**Thân ái ngã, Hiếu hà nan,**  
*Cha mẹ yêu quý ta, Hiếu thảo nào đâu khó,*

## 親憎我 孝方賢

**Thân tăng ngã, Hiếu phương hiền.**  
*Cha mẹ ghét bỏ ta, Hiếu thảo thì mới là người đức hạnh.*

Cha mẹ là đấng sinh thành dưỡng dục, đạo làm con chúng ta phải có trách nhiệm hiếu thuận, nếu được cha mẹ thương yêu thì việc hiếu thuận với cha mẹ không khó.

Nhưng nếu chẳng may rơi vào hoàn cảnh bị cha mẹ đối xử không công bằng, thậm chí bị ghét bỏ thì ta vẫn phải thật tâm hiếu thuận với cha mẹ, không lời oán trách, mới là người đức hạnh, trọn vẹn luân thường đạo lý, và làm tấm gương cho con cháu noi theo.

---

**Cha mẹ thương,  
Dễ hiếu thuận,  
Cha mẹ ghét,  
Vẫn hiếu kính.**

## 親 有 過 諫 使 更

**Thân hữu quá, Gián sử canh,**  
*Cha mẹ xảy ra lỗi lầm, Can ngăn khiến cho sửa đổi,*

## 怡 吾 色 柔 吾 聲

**Di ngô sắc, Nhu ngô thanh.**  
*Vui vẻ ta nét mặt, Dịu dàng ta tiếng nói,*

Nhân vô thập toàn, làm người khó tránh khỏi sai lầm, chẳng may cha mẹ mắc phải lỗi lầm thì chúng ta là phận làm con tuyệt đối không được a dua theo, mà phải có trách nhiệm góp ý khuyên can để cha mẹ tránh được lỗi lầm, mới là người con có hiếu.

Lúc khuyên phải tỏ ra thành ý, nét mặt vui vẻ, khéo dùng lời hiền hoà mà khuyên.

## 諫不入 悅復諫

**Gián bất nhập, Duyệt phục gián,**  
*Can ngăn không được, Vui lòng lặp lại can ngăn,*

## 號泣隨 撻無怨

**Hào khắp tùy, Thát vô oán.**  
*Gào khóc thầm khóc đi theo, Roi đánh không oán trách.*

Nếu khuyên chưa được thì phải chờ cơ hội thích hợp tìm mọi cách khuyên, có thể chờ lúc cha mẹ đang vui vẻ lựa lời mà khuyên.

Thậm chí phải khóc lóc năn nỉ mà khuyên, tuyệt đối không được tranh cãi ép buộc cha mẹ, cho dù bị cha mẹ tức giận, chửi bới, đánh vụt cũng không oán trách, vẫn phải cố khuyên bằng được.

---

**Khuyên chưa được,  
Phải tìm cách,  
Khóc mà khuyên,  
Đánh không trách.**

## 親有疾 藥先嘗

**Thân hữu tật, Dược tiên thường,**  
*Cha mẹ xảy ra bệnh tật, Thuốc trước nếm,*

## 晝夜侍 不離床

**Trú dạ thị, Bất ly sàng.**  
*Ngày đêm hầu hạ, Không rời khỏi giường,*

Khi cha mẹ đau bệnh, phận làm con phải lo thuốc thang chữa trị cho cha mẹ, tận tâm chăm sóc cẩn thận, nếu là thuốc thảo dược, khi sắc thuốc xong phải nếm trước xem vừa nguội mới đem cha mẹ uống.

Khi bệnh tình trầm trọng phải luôn chăm sóc không chút lơ là, ngày đêm thay nhau túc trực hầu hạ bên giường bệnh.

## 喪三年 常悲咽

**Tang tam niên, Thường bi ế,**  
*Đề tang ba năm, Luôn luôn thương nhớ nghẹn ngào,*

## 居處變 酒肉絕

**Cư xử biến, Từ nhục tuyệt.**  
*Ở xử sự thay đổi, Rượu thịt dứt,*

Sau khi cha mẹ qua đời, lễ xưa phải đề tang ba năm, thường nghĩ nhớ công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ chưa báo đền hết mà cảm thấy bi thương nghẹn ngào.

Những sinh hoạt hàng ngày cần phải điều chỉnh, sống tiết độ, không nên ham muốn hưởng thụ, không tham gia những cuộc vui chơi ăn uống linh đình, không sát sinh hại vật, không ăn thịt uống rượu.

---

**Tang ba năm,  
Thường thương nhớ,  
Sống tiết độ,  
Bỏ rượu thịt.**

## 喪盡禮 祭盡誠

**Tang tận lễ, Tế tận thành,**  
*Việc tang hết mức lễ nghi, Cúng tế hết mức thành kính,*

## 事死者 如事生

**Sự tử giả, Như sự sinh.**  
*Kính thờ đã chết người, Giống như kính thờ còn sống.*

Đối với tang lễ của cha mẹ cần phải coi trọng lễ nghi, khi cúng tế phải có tâm thành kính.

Khi cha mẹ còn sống, ta phải kính yêu, sau khi cha mẹ qua đời, trong lòng đau xót bị thương chuẩn bị tang lễ cho cha mẹ, từ đó trở về sau hàng năm cúng tế cha mẹ, ta đều dùng tâm kính yêu như lúc cha mẹ đang còn sống, thường tưởng nhớ biết ơn cha mẹ.

---

**Tang đủ lễ,  
Lòng thành kính,  
Thờ khi mất,  
Như lúc còn.**



## ◎ 出 則 弟

### XUẤT TẮC ĐỄ:

RA THÌ KÍNH NHƯỜNG

Chữ 弟 đọc là [Đệ] thì có nghĩa là *em*, trong câu này phải đọc là [Đễ], cùng nghĩa với chữ 悌 (đễ), nghĩa là *thuận*, là *kính nhường* bậc trên. Chương này dạy làm người phải biết cư xử hoà thuận với anh chị em, kính bề trên, trọng người lớn tuổi.

## 兄 道 友 弟 道 恭

**Huynh đạo hữu, Đệ đạo cung,**

*Anh đạo thuận hoà, Em đạo kính trọng,*

## 兄 弟 睦 孝 在 中

**Huynh đệ mục, Hiếu tại trung.**

*Anh em hoà thuận, Hiếu thảo ở trong.*

Làm anh chị phải thương yêu các em của mình, các em cần phải kính trọng anh chị mình, đó mới hợp với đạo anh chị em.

Anh chị em sống hòa thuận với nhau, cả nhà vui vẻ, cha mẹ được vui lòng thì hiếu thảo đã sinh ra từ ngay trong đó, là có hiếu với cha mẹ một phần rồi.

---

## KÍNH NHƯỜNG MỌI NGƯỜI

8 **Anh thương em, Em kính anh,**  
**Anh em hoà, Là có hiếu.**

## 財物輕 怨何生

**Tài vật khinh, Oán hà sinh,**  
*Của cải vật chất coi nhẹ, Oán hận nào sinh,*

## 言語忍 忿自泯

**Ngôn ngữ nhẫn, Phẫn tự mẫn.**  
*Lời nói nhẫn nhịn, Tức giận tự tiêu tan.*

Khi cư xử với mọi người, nhất là anh chị em trong nhà cần coi trọng tình nghĩa vượt lên trên của cải vật chất, mọi người sẽ không vì tranh giành của cải mà sinh lòng oán hận nhau.

Mỗi người biết cẩn thận lời nói, có tâm nhẫn nại, có thể bao dung nhịn nhường, thì lòng oán hận sẽ tự nhiên tiêu tan hết.

---

**Xem nhẹ của,  
Thì không oán,  
Nhường nhịn nhau,  
Oán tan hết.**

或 飲 食    或 坐 走

**Hoặc ẩm thực, Hoặc tọa tẩu,**  
*Hoặc là uống ăn,      Hoặc là ngồi đi,*

長 者 先    幼 者 後

**Trưởng giả tiên, Ấu giả hậu,**  
*Lớn                      người trước, Nhỏ người sau.*

Bất luận là lúc ăn uống, hoặc là lúc ngồi hay lúc đi.

Chúng ta phải giữ lễ phép, nhường cho người lớn trước, người trẻ theo sau.

**Khi ăn uống,  
Đi hoặc ngồi,  
Nhường người lớn,  
Ta theo sau.**

長 呼 人 即 代 叫

**Trưởng hô nhân, Tức đại khiếu,**  
*Người lớn gọi người, Liền thay gọi,*

人 不 在 已 即 到

**Nhân bất tại, Kỳ tức đáo.**  
*Người không có ở đó, Mình ngay tới.*

Khi người lớn có việc cần gọi ai đó, chúng ta nghe được thì phải lập tức đi gọi giùm.

Nếu người không có ở đó, thì liền trở về báo cho họ biết, đợi xem người lớn có sai bảo gì không, chúng ta phải hết lòng giúp đỡ.

---

**Người lớn gọi,  
Ta gọi giúp,  
Không có người,  
Ta tới mau.**

## 稱尊長 勿呼名

**Xưng tôn trưởng, Vật hô danh,**  
*Gọi [người bậc trên], Chớ gọi tên,*

## 對尊長 勿見能

**Đối tôn trưởng, Vật hiện năng.**  
*Đối trước [người bậc trên], Chớ tỏ ra tài năng.*

Theo lễ phép xưa, khi xưng hô đối với người bậc trên thì không gọi thẳng tên, nhiều nơi dùng tên con trưởng của người bậc trên ấy để gọi thay.

Ở trước mặt người bậc trên, phải biết lễ phép khiêm tốn, không nên khoe khoang tài năng của mình.

**Kính bề trên,  
Không gọi tên,  
Với bề trên,  
Phải khiêm tốn.**

## 路 遇 長 疾 趨 揖

**Lộ**      **ngộ** **trưởng**,   **Tật**      **xu**      **ấp**,  
*Đường đi   gặp   người lớn,   Nhanh nhẹn   hướng tới   vái chào,*

## 長 無 言 退 恭 立

**Trưởng** **vô**   **ngôn**,   **Thoái** **cung**   **lập**.  
*Người lớn   không   nói,   Lui lại   cung kính   đứng.*

Trên đường đi, gặp người lớn quen biết, gặp người già cả đáng kính, thì chúng ta phải tới gần lễ phép chào hỏi.

Nếu người lớn không có điều gì nói với chúng ta, thì chúng ta lui lại cung kính tiễn họ đi trước.

---

**Gặp trên đường,  
Lễ phép chào,  
Người không dặn,  
Ta kính tiễn.**

## 騎下馬 乘下車

**Ky**      **hạ**   **mã,**      **Thừa**   **hạ**   **xa,**  
*Cưỡi ngựa xuống ngựa,      Đi xe xuống xe,*

## 過猶待 百步餘

**Quá**      **do**   **đãi,**   **Bách**   **bộ**   **dư.**  
*Qua rồi vẫn còn đợi,   Trăm bước hơn.*

Lễ phép xưa, trên đường gặp người bề trên, dù ta đang cưỡi ngựa thì xuống ngựa, đang ngồi xe thì xuống xe, đến chào hỏi, sẵn sóc.

Khi người bề trên đi rồi, vẫn còn đứng trông theo tiễn, chờ đi một đoạn khoảng hơn trăm bước, ta mới lên ngựa lên xe đi tiếp.

---

**Phải xuống ngựa,  
Phải xuống xe,  
Tiễn người đi,  
Hơn trăm bước.**

## 長者立 幼勿坐

**Trưởng giả lập, Ấu vật tọa,**  
*Lớn người ấy đứng, Nhỏ chớ ngồi,*

## 長者坐 命乃坐

**Trưởng giả tọa, Mệnh nãi tọa.**  
*Lớn người ấy ngồi, Bảo thì mới ngồi.*

Lúc gặp gỡ chuyện trò với người lớn, khi người lớn còn đang đứng, chúng ta không được ngồi xuống trước.

Phải đợi sau khi người lớn ngồi xuống, bảo chúng ta ngồi thì chúng ta mới ngồi.



## 尊長前 聲要低

**Tôn trưởng tiền, Thanh yếu đề,**  
*[Người bậc trên] trước, Tiếng nói phải nhỏ nhẹ,*

## 低不聞 卻非宜

**Đê bất văn, Khước phi nghi.**  
*Nhỏ không nghe thấy, Lại không thích hợp,*

Khi chúng ta nói chuyện với người bề trên, lời nói phải nhỏ nhẹ.

Nhưng nói quá nhỏ thì nghe không rõ, phải nói rõ ràng, vừa đủ nghe.

---

**Với người lớn,  
Tiếng nhỏ nhẹ,  
Đừng nhỏ quá,  
Nói vừa nghe.**

## 進 必 趨 退 必 遲

Tiến tất xu, Thoái tất trì,  
*Tôi phải nhanh, Lui phải chậm,*

## 問 起 對 視 勿 移

Vấn khởi đối, Thị vật di.  
*Hỏi tới thưa, Nhìn chớ dời.*

Khi cần gặp người bề trên phải nhanh chóng đi đến trước mặt họ, lúc rời khỏi thì nhẹ nhàng hơi chậm rãi, không nên quá vội vàng,

Khi người lớn hỏi chuyện, phải chú ý lắng nghe để đáp lại, ánh mắt nhìn thẳng, không láo liên, liếc chỗ này ngó chỗ khác, như thế là thiếu lễ phép.

---

**Nhanh nện tới,  
Chậm chậm lui,  
Khi nói chuyện,  
Chớ láo liên.**

## 事諸父 如事父

**Sự chư phụ, Như sự phụ,**  
*Kính [các bác các chú], Như kính cha,*

## 事諸兄 如事兄

**Sự chư huynh, Như sự huynh.**  
*Kính [các anh họ], Như kính anh ruột.*

Chúng ta đối với các chú bác cậu cô dì phải cung kính như cha mẹ mình.

Đối với anh chị em họ bên nội và bên ngoại, cũng kính trọng yêu thương như đối với anh chị em ruột của mình vậy.



**CẦN**

*CẦN THẬN*

Chương này dạy chúng ta trong sinh hoạt hàng ngày, làm mọi công việc đều phải chú ý cần thận, chu đáo, chắc chắn.

**朝 起 早    夜 眠 遲**

**Triều khởi tảo, Dạ miên trì,**  
*Sáng mai dậy sớm, Buổi tối ngủ trễ,*

**老 易 至    惜 此 時**

**Lão dị chí, Tích thử thời.**  
*Tuổi già dễ đến, Tiếc này thời gian.*

Mỗi ngày, buổi sáng phải thức dậy sớm, buổi tối nên ngủ trễ một chút, tranh thủ siêng năng học tập, làm những công việc thiết thực, đừng để thời gian trôi uổng phí, đừng nên ngủ quá nhiều, cũng không nên thức khuya, có hại cho sức khỏe, ngủ đủ thời gian tùy theo độ tuổi.

Thời gian trôi qua không bao giờ trở lại, con người mỗi năm một già đi, phải nên đặc biệt quý trọng thời gian hiện tại mà sống làm việc sao cho ý nghĩa.

---

**SỐNG CẦN THẬN**

13

**Sáng dậy sớm, Tối ngủ trễ,  
Già chóng tới, Quý thời gian.**

## 晨 必 盥 兼 漱 口

**Thần tất quán, Kiêm thẩu khẩu,**  
*Sáng phải rửa sạch, Gồm cả súc miệng,*

## 便 溺 回 輒 淨 手

**Tiện nịch hồi, Triếp tịnh thủ.**  
*Đại tiện tiểu tiện về, Liền sạch sẽ tay.*

Mỗi buổi sáng sau khi thức dậy, trước hết phải rửa mặt và súc miệng đánh răng.

Sau khi đại tiểu tiện, vệ sinh cá nhân xong phải lập tức rửa tay sạch sẽ.

---

**Sáng rửa mặt,  
Và đánh răng,  
Vệ sinh xong,  
Rửa tay sạch.**

## 冠 必 正 紐 必 結

**Quan tất chính, Nũu tất kết,**  
*Mũ phải ngay, Dải dây phải buộc thắt,*

## 襪 與 履 俱 緊 切

**Miệt dữ lý, Câu khẩn thiết,**  
*Tất và giày, Đều [buộc chặt].*

Lưu ý đến trang phục, mũ nón phải đội cho ngay ngắn, ngày xưa khi mặc quần áo phải buộc dây thắt nút, ngày nay thay bằng khuy áo và thắt lưng, phải gài thắt tràng hoàng.

Mang giày tất cũng phải chỉnh tề, hai bên đồng đều nhau, dây giày phải buộc chặt, trang phục sạch sẽ gọn gàng, ăn mặc chững chạc.

**Mũ đội ngay,  
Áo gài kỹ,  
Mang tất giày,  
Phải chỉnh tề.**

## 置冠服 有定位

Trí quan phục, Hữu định vị,  
Sắp đặt mũ quần áo, Có được cố định chỗ,

## 勿亂頓 致污穢

Vật loạn đốn, Trí ô uế.  
Chớ lẫn lộn sắp xếp, Gây nên dơ bẩn.

Mũ nón quần áo giày tất và các đồ dùng phải để nơi cố định, gọn gàng, ngăn nắp.

Không nên để lẫn lộn, tránh làm dơ bẩn quần áo và đồ vật, khi cần dùng đến đỡ tốn thời gian tìm.

---

**Quần áo mũ,  
Để đúng chỗ,  
Chớ bày bừa,  
Kẻo bẩn dơ.**

衣 貴 潔 不 貴 華

Y quý khiết, Bất quý hoa,  
*Áo quý sạch sẽ, Không quý đẹp dễ,*

上 循 分 下 稱 家

Thượng tuần phận, Hạ xứng gia.  
*Trên theo thân phận, Dưới thích hợp nhà,*

Quần áo phải chú trọng sạch sẽ chỉnh chu, không quan trọng quần áo hàng hiệu đắt tiền, càng không nên sĩ diện mà xa hoa hoang phí.

Ăn mặc phải thích hợp với điều kiện bản thân và hoàn cảnh kinh tế gia đình, trang phục khi ở nhà nên hợp với truyền thống tập quán quê hương.

**Áo quần sạch,  
Chớ xa hoa,  
Hợp bản thân,  
Tuỳ hoàn cảnh.**



## 對飲食 勿揀擇

**Đối ẩm thực, Vật giản trạch,**  
*Đối với uống ăn, Chớ [kén chọn],*

## 食適可 勿過則

**Thực thích khả, Vật quá tắc.**  
*Ăn [vừa phải], Chớ quá quy định,*

Đối với việc ăn uống, chú ý đến cân bằng dinh dưỡng, ăn nhiều rau xanh trái cây, không nên kén chọn thức ăn cầu kỳ.

Ăn uống ngày ba bữa vừa đủ, không nên ăn quá no.

---

**Việc ăn uống,  
Không kén chọn,  
Ăn vừa đủ,  
Chớ quá no.**

## 年方少 勿飲酒

**Niên phương thiếu, Vật ẩm tửu,**  
*Tuổi đang còn trẻ, Chớ uống rượu,*

## 飲酒醉 最爲醜

**Ẩm tửu túy, Tối vi xú.**  
*Uống rượu say, Rất là xấu.*

Khi tuổi còn trẻ không nên học uống rượu bia và dùng các chất gây nghiện. Những thứ đó đều có hại cho sức khỏe, sinh ra bệnh tật, làm giảm tuổi thọ và gây tổn hại nhân cách đạo đức.

Người trưởng thành uống rượu bia cũng không nên quá chén, khi quá chén sẽ không tự kiểm soát được mình, lúc say rượu dễ bị kích động, không tự chủ được mình, nói năng càn quấy, gây ra nhiều chuyện xấu không lường trước được.

---

**Tuổi còn trẻ,  
Cấm rượu bia,  
Khi uống say,  
Nhiều chuyện xấu.**

## 步從容 立端正

**Bộ**     **thung dung, Lập đoan chính,**  
*Bước đi ung dung thông thả, Đứng ngay thẳng,*

## 揖深圓 拜恭敬

**Ấp**     **thâm viên, Bái cung kính.**  
*Vái chào sâu đậm trọn vẹn, Vái lạy cung kính.*

Khi đi lại, phong thái phải ung dung, bước đi thông thả, khoan thai, không vội vàng hấp tấp, cũng không lề mề chậm chạp, lúc đứng thân thể vững vàng ngay thẳng, tinh thần phấn khởi vui vẻ, không nên khom lưng cúi mặt ủ rũ, thân hình lắc lư nghiêng ngả.

Khi chào hỏi mọi người, bất kể là chấp tay hoặc cúi đầu chào đều phải thể hiện tình cảm thân thiện nồng ấm, kính trọng nhau thật chân thành sâu đậm, không nên chào hỏi qua loa lấy lệ, tình cảm nhạt nhẽo.

---

**Đi thông thả,  
Đứng thẳng ngay,  
Gặp nhau chào,  
Tình nồng ấm.**

勿踐闕 勿跛倚

Vật tiền vực, Vật bí ý,  
*Chớ giẫm lên bậc cửa, Chớ nghiêng dựa,*

勿箕踞 勿搖髀

Vật cơ cứ, Vật dao bễ.  
*Chớ [ngồi soạc chân], Chớ rung đùi.*

Khi ra vào nhà phải chú ý, như nhà có cửa bức bàn khi bước qua không được giẫm đạp lên bậc cửa, lúc đứng không nên đứng lệch chân nghiêng ngả, dựa cửa dựa tường.

Khi ngồi phải ngay ngắn chỉnh tề, không được dang duỗi soạc chân, càng không nên lắc chân rung đùi, như thế trở thành mất phong cách đàng hoàng.

---

**Chớ đạp cửa,  
Chớ dựa tường,  
Chớ ngồi dạn,  
Chớ rung đùi.**

## 緩 揭 簾 勿 有 聲

**Hoãn yết liêm, Vật hữu thanh,**  
*Châm chậm vén màn cửa, Chớ có tiếng động,*

## 寬 轉 彎 勿 觸 棱

**Khoan chuyển loan, Vật xúc lăng.**  
*Rộng rãi đi vòng chỗ ngoặt, Chớ đụng chạm góc cạnh.*

Khi bước vào nhà, dù kéo màn hay mở cửa đều phải nhẹ nhàng, tránh phát ra tiếng động,

Khi đi lại trong nhà, lúc đổi hướng phải cẩn thận đi vòng rộng ra để tránh đụng phải góc cạnh của đồ đạc, gây bị thương.

**Mở màn cửa,  
Thật nhẹ nhàng,  
Chỗ quanh góc,  
Tránh đụng va.**

## 執虛器 如執盈

**Chấp hư khí, Như chấp doanh,**  
*Cầm trống rỗng đồ vật, Như cầm đồ đã đựng đầy,*

## 入虛室 如有人

**Nhập hư thất, Như hữu nhân.**  
*Vào trống vắng nhà, Như có người.*

Khi bưng bê hoặc cầm đồ vật phải giữ gìn cẩn thận, đồ vật dù rỗng nhẹ chưa đựng gì cũng thận trọng như đồ vật nặng đã đựng đầy.

Vào nhà khác khi chủ nhà đi vắng không có người ở nhà, ta vẫn coi như nhà đang có người, phải giữ phép tắc, không được tùy tiện sử dụng động chạm vào những đồ vật trong nhà.

---

**Bưng vật rỗng,  
Như vật đầy,  
Vào nhà vắng,  
Như có người.**

## 事 勿 忙 忙 多 錯

**Sự vật mang, Mang đa thác,**  
*Việc chớ vội vàng, Vội vàng nhiều sai lầm,*

## 勿 畏 難 勿 輕 略

**Vật úy nan, Vật khinh lược.**  
*Chớ sợ khó, Chớ coi thường qua loa.*

Làm mọi việc phải bình tĩnh, chắc chắn, nếu vội vàng hấp tấp sẽ xảy ra sai sót nhầm lẫn, dễ làm hỏng việc.

Không sợ khó sợ khổ mà chần chừ thoái thác, cũng chớ coi thường là dễ mà làm qua loa, cầu thả.

---

**Làm chớ vội,  
Vội dễ sai,  
Chớ ngại khó,  
Chớ coi thường.**

## 鬥 鬧 場 絕 勿 近

**Đấu**   **náo** trường, **Tuyệt** vật cận,  
*Đấu*   *đá*   *ồn*   *ào*   *nơi,*                      *Tuyệt*   *chớ*   *gần,*

## 邪 僻 事 絕 勿 問

**Tà**   **tích** sự,                      **Tuyệt** vật vấn.  
*Nhảm*   *xấu*   *chuyện,*                      *Tuyệt*   *chớ*   *hỏi.*

Những nơi ồn náo dễ sinh tranh giành cãi cọ đánh nhau, những chỗ thị phi như bài bạc, những chốn xấu xa như nhà chứa, lầu xanh,.. v... v... thì tuyệt đối không tới, tránh bị ảnh hưởng thói xấu.

Những câu chuyện, những loại hình phim ảnh nhảm nhí xấu xa, dâm ô, tà ác, những nội dung không lành mạnh, không có lợi ích, thì tuyệt đối không nghe, không xem, cũng không nên hiếu kì tò mò hỏi đến, để tránh bị ô nhiễm tâm tính lương thiện.

---

**Chỗ** tranh cãi,  
**Chớ** lân la,  
**Chuyện** nhảm nhí,  
**Chớ** hỏi qua.



## 將入門 問孰存

**Tương nhập môn, Vấn thực tồn,**  
*Sắp vào cửa cổng, Hỏi ai có còn,*

## 將上堂 聲必揚

**Tương thượng đường, Thanh tất dương.**  
*Sắp lên nhà, Tiếng phải cất lên.*

Khi đến nhà người khác, trước khi bước vào cửa cổng phải hỏi xem có ai ở nhà không, người nhà mời hãy vào, không nên tùy tiện bước vào.

Trước khi vào nhà, nếu chưa gặp người nhà, phải cất cao tiếng gọi để họ biết có người tới.

**Tới nhà ai,  
Phải gọi cửa,  
Khi vào nhà,  
Phải lên tiếng.**

# 人問誰 對以名

**Nhân vấn thùy, Đối dĩ danh,**  
*Người hỏi ai?, Đáp lấy tên,*

# 吾與我不分明

**Ngô dĩ ngã, Bất phân minh.**  
*Ta với tôi, Không [rõ ràng].*

Nếu người trong nhà hỏi "ai đây?" thì trả lời phải nói rõ tên để họ dễ nhận ra mình.

Không nên nói "tớ" "tôi" "cháu"..v..v... một cách không rõ ràng.

---

**Người có hỏi,  
Thì xưng tên,  
Đừng nói 'tôi',  
Chẳng rõ ràng.**

用 人 物 須 明 求

**Dụng nhân vật, Tu minh cầu,**  
*Dùng người đồ vật, Phải rõ nhờ,*

倘 不 問 即 爲 偷

**Thảng bất vấn, Tức vi thâu.**  
*Nếu không hỏi, Thì là trộm.*

Dùng đồ của người khác phải hỏi nhờ rõ ràng, khi được sự đồng ý của họ mới đem dùng.

Nếu không hỏi mượn mà tự tiện lấy đồ của họ đem dùng thì khác gì hành vi trộm cắp.

---

**Dùng đồ người,  
Phải hỏi trước,  
Nếu không hỏi,  
Khác gì trộm.**

## 借人物 及時還

**Tá nhân vật, Cập thời hoàn,**  
*Mượn người đồ vật, Kịp thời trả,*

## 後有急 借不難

**Hậu hữu cấp, Tá bất nan.**  
*Sau có gấp, Mượn không khó.*

Mượn đồ của người khác khi sử dụng phải giữ gìn cẩn thận và trả đúng hẹn.

Lần sau cần gấp sẽ dễ mượn.

---

**Mượn đồ dùng,  
Trả đúng hẹn,  
Sau cần gấp,  
Mượn dễ dàng.**

◎ 信

TÍN

THÀNH THỰC

"Tín" ở đây nghĩa là *thành thực*, chương này dạy chúng ta trong giao tiếp với mọi người phải nói lời thành thực, giữ niềm tin, sống có uy tín.

凡 出 言 信 爲 先

Phàm xuất ngôn, Tín vi tiên,  
*Hễ ra nói, Thành thực làm trước,*

詐 與 妄 奚 可 焉

Trá dữ vọng, Hề khả yên.  
*Lừa dối và càn bậy, Làm sao có thể như vậy,*

Khi chúng ta nói chuyện, trước tiên phải lấy chữ tín làm đầu, lời nói phải thành thực đúng đắn.

Làm sao có thể nói lời vọng ngữ, lừa gạt gian trá được.

---

SỐNG UY TÍN

19

**Khi nói chuyện,  
Tín làm đầu,  
Lừa dối nhau,  
Chẳng nên đâu.**

## 話 說 多 不 如 少

**Thoại thuyết đa, Bất như thiểu,**  
*Nói chuyện giảng giải nhiều, Không bằng ít,*

## 惟 其 是 勿 佞 巧

**Duy kỳ thị, Vật nịnh xảo.**  
*Chỉ hãy sự đúng, Chớ nịnh bợ giả dối.*

Nói nhiều lời thao thao bất tuyệt không bằng nói ít, nên nói những điều đáng nói, nói đúng trọng tâm, tuy nói ít nhưng lời nói có giá trị.

Chỉ nói những lời nói phải, nói đúng, có sao nói vậy, chớ bóp méo sự thật, chớ có ít nói thành nhiều, nói ba hoa khoác lác, nói lời ngon ngọt giả dối để nghe để nịnh nọt lấy lòng người khác.

---

**Nói nhiều lời,  
Không bằng ít,  
Nói sự thật,  
Không nịnh hót.**

## 奸巧語 穢汚詞

**Gian xảo ngữ, Uế ô từ,**  
*Gian trá xảo quyết lời nói, Nơ nhuốc bản thủ ngôn từ,*

## 市井氣 切戒之

**Thị tỉnh khí, Thiết giới chi.**  
*[Chợ búa] thói, Quyết phải răn cấm đây.*

Những lời nói gian trá xảo quyết, những ngôn từ ô uế tục tĩu.

Cho đến những lời thô lỗ trắng trợn theo thói côn đồ chợ búa, đều phải nhất quyết trừ bỏ.

---

**Lời xảo trá,  
Từ thô tục,  
Thói côn đồ,  
Đều phải bỏ.**

## 見未眞 勿輕言

**Kiến vị chân, Vật khinh ngôn,**  
*Thấy chưa thật đúng, Chớ tùy tiện nói ra,*

## 知未的 勿輕傳

**Tri vị đích, Vật khinh truyền.**  
*Biết chưa đích xác, Chớ tùy tiện tuyên truyền.*

Trăm nghe không bằng một thấy, mọi sự vật nếu không phải chính mắt mình trông thấy rõ ràng, thì không nên vội vàng nói cho người khác biết.

Mọi sự việc khi chưa biết đích xác, chưa hiểu rõ chắc chắn, thì đừng nên vội vàng tuyên truyền cho mọi người biết, tránh gây ra hậu quả không tốt.

**Chưa thấy rõ,  
Chớ nói bừa,  
Chưa biết rõ,  
Chớ tuyên truyền.**



## 事非宜 勿輕諾

**Sự phi nghi, Vật khinh nặc,**  
*Việc không thích hợp, Chớ tùy tiện vâng nhận,*

## 苟輕諾 進退錯

**Cẩu khinh nặc, Tiến thoái thác.**  
*Nếu tùy tiện vâng nhận, Tiến lùi lỗi lầm.*

Khi người khác nhờ làm giúp, nếu là việc không phù hợp với đạo lý, hoặc không phù hợp với khả năng của mình thì không được tùy tiện nhận lời.

Nếu vội vàng hoặc vì cả nể hoặc vì tham mà nhận bừa, hứa hão, thì trở thành khó xử, tự mình chuốc lấy lỗi lầm, tiến lùi đều dở, làm cũng không được, không làm cũng chẳng xong.

---

**Việc không hợp,  
Chớ nhận bừa,  
Nếu nhận bừa,  
Thành khó xử.**

# 凡道字 重且舒

**Phàm đạo tự, Trọng thả thư,**  
*Hễ nói phát âm, Mạnh mà lại chậm rãi,*

# 勿急疾 勿模糊

**Vật cấp tậ, Vật mô hồ.**  
*Chớ [gáp gáp], Chớ [mơ hồ].*

Lúc nói chuyện, nên phát âm chuẩn, mạnh mẽ rõ ràng, từng tiếng từng câu thư thả chậm rãi, nếu chưa nói được như vậy thì cố gắng rèn luyện lâu ngày sẽ quen.

Không nên nói nhanh quá thành hấp tấp, ngôn từ phải biểu đạt rõ ràng ý cần nói, nói thẳng vào trọng điểm để người nghe dễ hiểu, chớ nói năng huyên thuyên, vòng vo, lấp lửng, trở thành mơ hồ khó hiểu.

---

**Nói thư thả,  
Lời rõ ràng,  
Không hấp tấp,  
Không mơ hồ.**

## 彼說長 此說短

**Bỉ thuyết trường, Thử thuyết đoản,**  
*Kia nói dài, Đây nói ngắn,*

## 不關己 莫閒管

**Bất quan kỷ, Mạc nhàn quản.**  
*Không liên quan mình, Chớ rồi hơi xen vào.*

Khi nghe thấy người khác tranh luận những chuyện hơn thua, khôn dại, đúng sai, phải trái, vô tích sự.

Ta phải có trí tuệ xét đoán, nếu không liên quan đến mình thì không nên xen vào can dự chuyện người, tránh phiền phức đến mình.

---

**Nghe tranh luận,  
Chuyện đúng sai,  
Chẳng liên quan,  
Đừng can dự.**

## 見人善 即思齊

**Kiến nhân thiện, Tức tư tề,**  
*Thấy người tốt lành, Thì nghĩ bằng,*

## 縱去遠 以漸躋

**Túng khứ viễn, Dĩ tiệm tề.**  
*Dù cho cách xa, Lấy đó dần dần leo lên.*

Thấy ưu điểm và những việc làm tốt đẹp của người khác, phải nghĩ đến học tập theo, sao cho không hơn cũng cố bằng người.

Cho dù hiện tại mình còn kém xa họ, cũng quyết tâm từng bước làm cho bằng được.

## 見人惡 即內省

**Kiến nhân ác, Tức nội tỉnh,**  
*Thấy người xấu xa, Thì trong lòng kiểm điểm,*

## 有則改 無加警

**Hữu tắc cải, Vô gia cảnh.**  
*Có thì sửa đổi, Không có càng thêm cảnh giác.*

Thấy khuyết điểm và những hành vi không tốt của người khác, phải tự phản tỉnh, trong lòng tự xét lại bản thân mình.

Nếu mình mắc phải những lỗi giống như vậy thì lập tức sửa đổi, nếu không thì cũng là bài học nhắc nhở cho mình cảnh giác mà tránh.

---

**Thấy người xấu,  
Nhìn lại mình,  
Có thì sửa,  
Không thì tránh.**

## 唯德學 唯才藝

**Duy đức học, Duy tài nghệ,**  
*Dù đạo đức học vấn, Dù tài năng tay nghề,*

## 不如人 當自礪

**Bất như nhân, Đương tự lệ.**  
*Không bằng người, Nên tự rèn giũa.*

Tự xét mình trong các phương diện nhân cách đạo đức, trình độ học vấn, tài năng, tay nghề.

Nếu thấy có chỗ không bằng người thì tự mình phải cố gắng học hỏi phấn đấu rèn luyện.

**Đức với tài,  
Làm và học,  
Không bằng người,  
Tự cố gắng.**

## 若衣服 若飲食

**Nhược y phục, Nhược ẩm thực,**  
*Hoặc là áo mặc, Hoặc là uống ăn,*

## 不如人 勿生感

**Bất như nhân, Vật sinh thích.**  
*Không bằng người, Chớ sinh buồn rầu.*

Những thứ hưởng thụ vật chất trong sinh hoạt hàng ngày như quần áo mặc và thức ăn thức uống.

Nếu không được bằng người khác, thì cũng đừng vì những điều này mà tự ty, mặc cảm, buồn rầu.

---

**Quần áo mặc,  
Thức uống ăn,  
Dù kém người,  
Cũng chẳng buồn.**

聞過怒 聞譽樂

Văn quá nộ, Văn dự lạc,  
*Nghe lỗi giận, Nghe khen vui,*

損友來 益友卻

Tổn hữu lai, Ích hữu khước.  
*Có hại bạn tới, Có ích bạn lui.*

Khi người khác chỉ ra lỗi làm khuyết điểm của mình thì tức giận, khi người ta khen ngợi tăng bốc thì vui thích.

Như vậy sẽ chẳng còn ai nói thật với mình nữa, bạn xấu có hại cho mình sẽ tìm đến, bạn tốt có ích cho mình sẽ tránh xa.



## 聞譽恐 聞過欣

**Văn dự khủng, Văn quá hân,**  
*Nghe khen sợ, Nghe lỗi mừng,*

## 直諒士 漸相親

**Trực lượng sĩ, Tiệm tương thân.**  
*Ngay thẳng thành thực người trí thức, Dần dần với nhau gần gũi.*

Khi nghe người khen ngợi tâng bốc thì ta cảm thấy đáng sợ, nghe người khác chỉ ra lỗi lầm khuyết điểm thì ta cảm thấy vui mừng.

Như thế thì những người có đạo đức có học vấn, tính cách thẳng thắn thành thực sẽ dần dần đến thân cận giúp đỡ.

---

**Nghe khen sợ,  
Chê lại mừng,  
Nhiều bạn hiền,  
Đến chơi thân.**

## 無 心 非 名 爲 錯

**Vô tâm phi, Danh vi thác,**  
*Không có tâm ý làm lỗi, Gọi tên là sai,*

## 有 心 非 名 爲 惡

**Hữu tâm phi, Danh vi ác.**  
*Có tâm ý làm lỗi, Gọi tên là tội ác.*

Nếu ta vô ý gây ra điều sai trái, điều này ngoài ý muốn, gọi là sai lầm.

Nhưng nếu ta rắp tâm gây ra điều sai trái, việc này là cố ý, gọi là tạo tội ác.

**Vô ý phạm,  
Gọi là sai,  
Cố tình làm,  
Là tội ác.**

## 過 能 改 歸 於 無

**Quá năng cải, Quy ư vô,**  
*Lỗi có thể sửa đổi, Quy về cho đến không còn,*

## 倘 掩 飾 增 一 辜

**Thàng yểm sức, Tăng nhất cô.**  
*Nếu [che đậy], Thêm một tội.*

Nếu có lỗi lầm mà biết sửa chữa và không tái phạm, đó là hành động của người dũng cảm dám làm dám chịu, thì lỗi lầm sẽ dần dần giảm nhẹ cho đến không còn nữa.

Còn nếu như bản thân đã phạm lỗi lầm mà không chịu thừa nhận, lại còn che giấu lỗi lầm của mình, đó là sai càng thêm sai, tội lỗi càng thêm nặng.

---

**Biết sửa lỗi,  
Không còn lỗi,  
Cố che giấu,  
Càng nặng tội.**

## ◎ 汎愛眾

**PHIẾM ÁI CHÚNG**  
*RỘNG YÊU THƯƠNG NHIỀU*

Chương này dạy chúng ta trong quan hệ đối xử với mọi người phải vui vẻ, hoà nhã, có tấm lòng nhân ái, bình đẳng, sống thân thiện yêu thương tất cả mọi người.

凡是人 皆須愛

Phàm thị nhân, Giai tu ái,  
*Hễ là người, Đều phải yêu thương,*

天同覆 地同載

Thiên đồng phúc, Địa đồng tải.  
*Trời cùng che, Đất cùng chở.*

Chúng ta cùng là con người, không phân biệt quốc gia, chủng tộc, tôn giáo, đều phải thương yêu lẫn nhau.

Tất cả cùng chung một bầu trời, cùng ở trên trái đất này, nhờ có trời che đất chở mà được sống chung, mọi người đều bình đẳng.

---

## SỐNG YÊU THƯƠNG

25 **Cùng loài người, Phải thương nhau,  
Chung bầu trời, Chung địa cầu.**

## 行高者 名自高

**Hạnh cao giả, Danh tự cao,**  
*Đức hạnh cao người, Danh tiếng tự cao,*

## 人所重 非貌高

**Nhân sở trọng, Phi mạo cao.**  
*Người điều mà tôn trọng, Chẳng phải tướng mạo cao.*

Những người có lý tưởng cao thượng, có đức hạnh vẹn toàn, có nhân cách lớn, dĩ nhiên sẽ được mọi người kính trọng, nên tự nhiên danh vọng của họ cao cả.

Được mọi người kính trọng, không phải do tướng mạo bề ngoài, mà do đức hạnh của họ cảm hoá mọi người.

才大者 望自大

Tài đại giả, Vọng tự đại,  
*Tài năng lớn người, Tiếng tăm tự lớn,*

人所服 非言大

Nhân sở phục, Phi ngôn đại.  
*Người điều mà khâm phục, Chẳng phải lời nói to.*

Những người có tài năng xuất chúng thì sẽ được mọi người khâm phục, tự nhiên danh tiếng của họ rất lớn.

Mọi người khâm phục là vì họ có tài năng thật sự chứ không vì họ lớn tiếng khoe tài.

---

**Tài năng lớn,  
Danh tiếng lớn,  
Được người phục,  
Chẳng do khoe.**

己 有 能 勿 自 私

**Kỷ hữu năng, Vật tự tư,**  
*Mình có tài năng, Chớ [chỉ vì riêng mình],*

人 所 能 勿 輕 訾

**Nhân sở năng, Vật khinh tí.**  
*Người điều mà tài năng, Chớ coi thường nói xấu.*

Nếu mình có tài năng có sở trường thì không nên ích kỷ chỉ biết lo riêng cho bản thân mình, phải đem tài năng giúp đỡ mọi người, làm lợi ích cho xã hội.

Thấy người khác có tài năng thì nên mừng cho họ, dù kém mình cũng không được chê bai coi thường, nếu hơn mình thì nên học theo, đừng bao giờ sinh lòng đố kỵ ganh ghét.

**Ta có tài,  
Đừng ích kỷ,  
Người có tài,  
Đừng ganh tị.**

## 勿 諂 富 勿 驕 貧

**Vật siểm phú, Vật kiêu bần,**  
*Chớ nịnh hót giàu có, Chớ kiêu căng nghèo khó,*

## 勿 厭 故 勿 喜 新

**Vật yếm cố, Vật hỷ tân.**  
*Chớ chán cũ, Chớ thích mới.*

Sống phải giữ nhân phẩm không nên nịnh hót những người giàu có, phải có lòng nhân ái không được khinh thường người nghèo khổ.

Sống phải biết trân trọng tình nghĩa, không nên có mới nới cũ.

---

**Đừng nịnh giàu,  
Đừng khinh nghèo,  
Đừng nới cũ,  
Đừng ham mới.**



## 人不閒 勿事攪

**Nhân bất nhàn, Vật sự giảo,**  
*Người không rảnh rỗi, Chớ công việc quấy rầy.*

## 人不安 勿話擾

**Nhân bất an, Vật thoại nhiễu.**  
*Người không yên, Chớ nói lời quấy nhiễu.*

Khi người khác đang bận việc, không nên nhờ vả làm phiền họ.

Hoặc đang lúc trong lòng họ không được yên, thì ta không nên nói những điều khiến cho họ càng thêm buồn phiền.

---

**Người đang bận,  
Chớ phiền hà,  
Người đang buồn,  
Đừng quấy nhiễu.**

## 人有短 切莫揭

**Nhân hữu đoản, Thiết mạc yết,**  
*Người có kém cỏi, Quyết chớ vạch,*

## 人有私 切莫說

**Nhân hữu tư, Thiết mạc thuyết.**  
*Người có riêng tư, Quyết chớ nói.*

Những khuyết điểm và sở đoản yếu kém của người khác, tuyệt đối không được vạch vòi bởi móc, làm mất thể diện của người ta.

Biết những chuyện riêng tư và bí mật của họ, phải giữ kín cho họ, đừng bao giờ nói cho người khác nghe.

**Khuyết điểm người,  
Chớ vạch vòi,  
Chuyện riêng tư,  
Không được nói.**

## 道人善 即是善

**Đạo nhân thiện, Tức thị thiện,**  
*Bàn luận người điều thiện, Thì là thiện,*

## 人知之 愈思勉

**Nhân tri chi, Dũ tư miễn.**  
*Người biết đấy, Càng nghĩ khích lệ.*

Luận bàn khen ngợi những việc làm tốt đẹp của người khác, cũng chính là việc làm tốt.

Người nghe được lời khen thì càng cố gắng hơn, mọi người noi theo cùng khích lệ nhau làm nhiều việc tốt hơn.

---

**Khen điều thiện,  
Là việc tốt,  
Người biết được,  
Cố gắng thêm.**

## 揚人惡 即是惡

**Dương nhân ác, Tức thị ác,**  
*Phô bày người điều ác, Thì là ác,*

## 疾之甚 禍且作

**Tật chi thậm, Họa thả tác.**  
*Đau khổ đấy lắm, Tai vạ lại khởi lên.*

Thấy người khác làm những việc xấu ác, đáng lẽ phải khuyên họ sửa chữa lỗi lầm, nhưng lại bất chấp đạo lý, phô bày điều ác, hoặc là lấy điều đó đi rêu rao, nói xấu họ; hoặc là hùa theo cổ vũ, tung hô, rao truyền, ca ngợi cái ác. Những hành vi này chính là hành vi tạo ác, rất xấu xa.

Hành vi này sẽ gây ra những đau khổ những tổn hại cho mọi người, càng gây lắm thì tai họa càng nhiều, chính kẻ gây ra phải chuốc lấy tai họa.

---

**Rao điều ác,  
Là việc xấu,  
Tổn hại nhiều,  
Tai họa đến.**

## 善相勸 德皆建

**Thiện tương khuyến, Đức giai kiến,**  
*Việc tốt nhau khuyến khích, Đạo đức đều tạo dựng,*

## 過不規 道兩虧

**Quá bất quy, Đạo lưỡng khuy.**  
*Điều lỗi không khuyên sửa, Đạo lý đôi bên sút kém.*

Nếu chúng ta khuyến khích mọi người cùng làm việc thiện, thì tất cả đều có thể xây dựng được lối sống đạo đức tốt đẹp.

Bạn bè người thân có lỗi lầm, nếu chúng ta biết mà không khuyên bảo họ sửa chữa lỗi lầm, thì cả hai đều sai, đạo đức của chúng ta và họ đều bị sút kém.

---

**Cùng khuyên thiện,  
Đạo đức tiến,  
Lỗi không ngăn,  
Đạo đức kém.**

## 凡取與 貴分曉

**Phàm thủ dữ, Quý phân hiểu,**  
*Hễ lấy cho, Chú trọng phân biệt hiểu rõ,*

## 與宜多 取宜少

**Dữ nghi đa, Thủ nghi thiểu.**  
*Cho nên nhiều, Lấy nên ít.*

Đối với vật chất, bất luận là nhận lấy hoặc là cho đi, phải biết phân biệt rõ ràng.

Cho người nên nhiều hơn, còn mình nhận lấy ít hơn, những người hào phóng có thể kết giao rộng rãi và sống hoà hợp với mọi người.

## 將 加 人 先 問 己

**Tương gia nhân, Tiên vấn kỷ,**  
*Làm thêm cho người, Trước hỏi mình,*

## 己 不 欲 即 速 已

**Kỷ bất dục, Tức tốc dĩ.**  
*Mình không muốn, Thì mau thôi.*

Khi định làm cho người khác điều gì, hoặc muốn nhờ họ giúp điều gì, thì trước tiên hãy tự hỏi lòng mình, nếu đặt vào cương vị của mình thì mình có thích điều đó không?

Nếu là điều bản thân mình không thích thì phải dừng lại ngay, đừng để người khác phải gánh chịu những điều không tốt.

*Đức Thánh Khổng Tử dạy: "Điều mình không thích chớ làm cho người" (kỷ sở bất dục vật thi ư nhân 己所不欲勿施於人 ).*

---

**Làm cho người,  
Tự hỏi trước,  
Mình không muốn,  
Thì thôi ngay.**

## 恩 欲 報 怨 欲 忘

**Ân dục báo, Oán dục vong,**  
*Ơn mong trả, Oán mong quên,*

## 報 怨 短 報 恩 長

**Báo oán đoản, Báo ân trường.**  
*Trả oán ngắn, Trả ơn dài.*

Những người có ân huệ với mình, nhất định phải đền đáp ân tình đó. Những người có thù oán với mình, thì hãy quên những oán thù đó đi, mong sao thêm bạn bớt thù để cuộc sống càng thêm tốt đẹp.

Mỗi oán thù không nên kéo dài thời gian, càng ngắn càng tốt, càng mau cho qua càng tốt, còn lòng báo đáp ân huệ người khác phải dài lâu, trong tâm luôn nhớ mãi.

---

**Ơn phải trả,  
Oán nên quên,  
Oán cho qua,  
Ơn nhớ mãi.**



## 待婢僕 身貴端

**Đãi tỳ bộc, Thân quý đoan,**  
*Đối xử hầu gái đầy tớ, Bản thân cao quý chính trực,*

## 雖貴端 慈而寬

**Tuy quý đoan, Từ nhi khoan.**  
*Tuy cao quý chính trực, Hiền từ và độ lượng.*

Đối với những người làm, những người giúp việc, bản thân mình phải giữ phong cách đoan trang nghiêm nghị, đàng hoàng, lễ độ.

Tuy đoan trang nghiêm nghị, nhưng luôn có lòng khoan dung, độ lượng, thương người.

**Với người làm,  
Phải đoan nghiêm,  
Tuy đoan nghiêm,  
Lòng nhân từ.**

## 勢服人 心不然

**Thế phục nhân, Tâm bất nhiên,**  
*Thế lực chinh phục người, Trong lòng không tán thành,*

## 理服人 方無言

**Lý phục nhân, Phương vô ngôn.**  
*Đạo lý thu phục người, Mới không lời nói.*

Nếu cậy quyền thế cưỡng ép người khác phải tuân theo mình, tuy bề ngoài họ không dám nói, nhưng tâm họ không phục.

Nên dùng đạo lý để cảm hóa họ thì mới khiến cho họ tâm phục khẩu phục.

---

**Cậy quyền thế,  
Người không phục,  
Dùng đạo lý,  
Người tâm phục.**

## ◎ 親 仁

**THÂN NHÂN**  
*GẦN GŨI NHÂN ĐỨC*

Chương này dạy chúng ta phải biết gần gũi kết thân với những người nhân từ đức độ, tôn họ làm thầy, kết giao làm bạn để học tập phẩm hạnh tốt đẹp của họ.

同 是 人 類 不 齊

**Đồng thị nhân,**      **Loại bất tề,**  
*Cùng là người,*      *Loại không đều nhau,*

流 俗 眾 仁 者 希

**Lưu tục chúng,**      **Nhân giả hi.**  
*[Thói tục] nhiều,*      *Nhân đức người hiếm.*

Tuy cùng là người, nhưng tính tình lại khác biệt chẳng đồng, người thiện kẻ ác, trí tuệ cao thấp khác nhau.

Phần đông là người bình thường, ảnh hưởng lối sống theo trào lưu, theo thói tục. Người có đạo đức phẩm hạnh nhân từ khoan hậu, có nhân cách lớn thì rất hiếm hoi.

---

## KẾT BẠN TỐT

31      **Cùng là người, Tính khác nhau,  
Dung tục nhiều, Hiền đức hiếm.**

## 果仁者 人多畏

**Quả nhân giả, Nhân đa uý,**  
*Nếu đúng là nhân đức người, Người rất kính phục,*

## 言不諱 色不媚

**Ngôn bất hủý, Sắc bất mị.**  
*Lời nói không che giấu, Vẻ mặt không nịnh nọt.*

Người thật sự có đạo đức, có nhân cách, thì được mọi người kính phục.

Vì họ nói lời ngay thẳng, không bao giờ nói lời dối trá, che giấu sự thật, cũng không bao giờ xum xoe nịnh hót lấy lòng kẻ khác.

---

**Người hiền đức,  
Mọi người kính,  
Nói chân thật,  
Không xu nịnh.**

## 能親仁 無限好

**Năng thân nhân, Vô hạn hảo,**  
*Có thể gần gũi nhân đức, Vô cùng tốt đẹp,*

## 德日進 過日少

**Đức nhật tiến, Quá nhật thiếu.**  
*Đức hạnh ngày tiến bộ, Lỗi lầm ngày ít.*

Nếu chúng ta được gần gũi kết thân với những người có đạo đức phẩm hạnh, theo họ học tập là điều rất may mắn, sẽ được lợi ích vô cùng.

Vì được theo họ học tập thì đức hạnh của chúng ta càng ngày càng tiến bộ, lỗi lầm của chúng ta mỗi ngày sẽ bớt đi.

---

**Gần người hiền,  
Lợi vô cùng,  
Đức tốt tăng,  
Lỗi giảm dần.**

## 不親仁 無限害

**Bất thân nhân, Vô hạn hại,**  
*Không gần gũi nhân đức, Vô cùng tai hại,*

## 小人進 百事壞

**Tiểu nhân tiến, Bách sự hoại.**  
*Tiểu nhân tới, Trăm việc hỏng.*

Nếu chúng ta không chịu gần gũi kết thân với người có đạo đức phẩm hạnh thì chúng ta sẽ bỏ mất cơ hội quý báu, sự thiệt hại cho bản thân là vô cùng lớn.

Vì sẽ có những kẻ tiểu nhân hư hỏng đến tiếp cận với chúng ta. Kết giao với những kẻ kém nhân cách lâu ngày, chúng ta sẽ bị ảnh hưởng thói xấu, từ tư tưởng đến lời nói việc làm đều không tốt, có thể khiến cho suốt cuộc đời chúng ta đi theo con đường sai lầm, đến lúc đó thì mọi việc đều hỏng.

---

**Không gần hiền,  
Hại vô cùng,  
Tiểu nhân đến,  
Trăm việc bại.**

## ◎ 餘 力 學 文

DƯ LỰC HỌC VĂN  
*CÒN DƯ KHẢ NĂNG HỌC VĂN*

Sáu chương trước dạy chúng ta thành người có đạo đức. Có đức rồi còn phải có học văn và phải biết áp dụng kiến thức vào công việc thực tế mới thành tài, đủ đức đủ tài mới nên người có ích. Kiến thức vô hạn, biển học không bờ, học ở trường lớp, học ở trường đời, học từ bé cho đến già vẫn còn phải học. Chương này dạy chúng ta phải luôn cố gắng chăm học hành.

不 力 行 但 學 文

**Bất lực hành, Đãn học văn,**  
*Không gắng sức làm, Chỉ học văn,*

長 浮 華 成 何 人

**Trường phù hoa, Thành hà nhân.**  
*Tăng trưởng [hào nhoáng], Nên gì người.*

Chúng ta học mà không chịu làm, không áp dụng kiến thức vào công việc thực tế, chỉ biết nghiên cứu trên sách vở, chỉ biết lý thuyết mà không biết thực hành.

Như vậy chỉ là lý thuyết suông, hào nhoáng bề nổi, phù phiếm không thực tế, trở thành sáo rỗng. Cứ thế thì chúng ta sẽ thành người gì đây?

---

## CHĂM HỌC HÀNH

32 **Không chịu làm, Chỉ biết học,  
Thành sáo rỗng, Chẳng ra người.**

但力行 不學文

**Đãn lực hành, Bất học văn,**  
*Chỉ gắng sức làm, Không học văn,*

任己見 昧理真

**Nhậm kỷ kiến, Muội lý chân.**  
*Mặc kệ theo mình hiểu, Mờ nhẽ thật.*

Nếu chúng ta chỉ biết làm mà không chịu nghiên cứu học tập, không chịu cập nhật kiến thức mới.

Cứ bảo thủ cố chấp làm theo sự hiểu biết nông cạn lệch lạc của bản thân, đến nỗi sự thật là mình sai lầm kém cỏi mà không biết.

---

**Chỉ biết làm,  
Không chịu học,  
Thành bảo thủ,  
Sai chẳng biết.**



## 讀書法 有三到

**Độc thư pháp, Hữu tam đáo,**  
*Độc sách phương pháp, Có ba (chú ý) đến,*

## 心眼口 信皆要

**Tâm nhãn khẩu, Tín giai yếu.**  
*Tâm mắt miệng, Lòng tin đều quan trọng.*

Phương pháp đọc sách cần tập trung ba điểm chú ý đến sách trong lúc đọc.

Đó là: tâm chú ý nghĩ đến sách, mắt chú ý nhìn sách, miệng chú ý đọc sách, tập trung cả tâm mắt miệng chú ý đến sách mới nhận thức và hiểu rõ nội dung, hơn nữa khi đã hiểu phải thật sự có niềm tin vào lời dạy trong sách, lòng tin là mẹ của mọi công đức, những điều này đều quan trọng trong khi đọc sách. *(Đương nhiên phải là sách quý do các bậc cổ đức Thánh Hiền dạy, hoặc do những tác giả có uy tín thật sự đáng tin cậy biên soạn thì ta mới tập trung đọc và tin theo).*

---

**Khi đọc sách,  
Phải tập trung,  
Tâm mắt miệng,  
Khởi lòng tin.**

方 讀 此 勿 慕 彼

Phương đọc thử, Vật mộ bỉ,  
*Đang đọc này, Chớ nghĩ kia,*

此 未 終 彼 勿 起

Thử vị chung, Bỉ vật khởi.  
*Này chưa xong hết, Kia chớ bắt đầu.*

Khi còn đang đọc quyển sách này, không nên nghĩ đến quyển sách khác.

Và khi chưa đọc xong quyển sách này, thì không nên đọc quyển sách khác, phải đọc từ đầu đến cuối. Như vậy mới có sự tập trung và hiểu sâu, mới thật sự có được lợi ích từ việc đọc sách.

---

**Đọc sách nào,  
Đọc cho xong,  
Chớ để lòng,  
Tìm sách khác.**

## 寬 爲 限 緊 用 功

**Khoan**                      **vi hạn, Khẩn dụng công,**  
*Nói rộng (thời gian)   làm hạn định, Mau gấp                      [cố gắng],*

## 工 夫 到 滯 塞 通

**Công phu      đáo, Trệ      tắc      thông.**  
*Thời gian công sức   đạt đến,   Ứ đọng   bế tắc   thông suốt.*

Sự học không nên chậm trễ ỷ lại, phải dùng nhiều thời gian quy định cho việc học, luôn tranh thủ giành thì giờ, cố gắng học tập khẩn trương.

Đến một ngày, trình độ học vấn đã đạt, thì tự nhiên bao nhiêu sự bế tắc sẽ được thông suốt, hiểu biết tất cả.

---

**Giành thì giờ,  
Mau học tập,  
Trình độ có,  
Khó cũng thông.**

## 心有疑 隨札記

**Tâm hữu nghi, Tùy trát ký,**  
*Lòng có nghi ngờ, Liền [ghi chép lại],*

## 就人問 求確義

**Tự nhân vấn, Cầu xác nghĩa.**  
*Tới người hỏi, Tìm đúng ý nghĩa.*

Trong lúc học tập nếu trong tâm có nghi vấn, thì phải lập tức ghi chép lại.

Khi gặp người có trình độ hiểu biết về lĩnh vực đó thì đem ra hỏi để tìm được câu trả lời chính xác.

---

**Khi chưa hiểu,  
Liền ghi lại,  
Gặp người hỏi,  
Tìm đúng nghĩa.**

## 房室清 牆壁淨

**Phòng thất thanh, Tường bích tịnh,**  
*Phòng nhà yên tĩnh, Tường vách sạch sẽ,*

## 几案潔 筆硯正

**Kỷ án khiết, Bút nghiên chính.**  
*Ghế bàn sạch, Bút nghiên ngay.*

Phòng học phải giữ cho yên tĩnh, lau quét tường vách nhà cửa sạch sẽ.

Bàn học sắp đặt gọn gàng ngăn nắp, bút mực phải để cho ngay ngắn.

**Phòng yên tĩnh,  
Nhà sạch sẽ,  
Bàn ghế gọn,  
Bút mực ngay.**

墨磨偏 心不端

**Mặc ma thiên, Tâm bất đoan,**  
*Mực mài nghiêng, Tâm không chính trực,*

字不敬 心先病

**Tự bất kính, Tâm tiên bệnh.**  
*Chữ không thận trọng, Tâm trước bệnh.*

Người thời xưa muốn viết chữ phải mài mực, viết bằng bút lông, nếu thấy thối mực chỉ mài nghiêng một bên thì biết được tâm của người này không đoan chính.

Chữ viết ra xiêu vẹo lệch lạc không cẩn thận, khác với thường ngày, biểu hiện trong lòng có vấn đề không được yên.

---

**Mài mực nghiêng,  
Tâm bất chính,  
Viết lệch lạc,  
Tâm chẳng yên.**

## 列典籍 有定處

**Liệt điển tịch, Hữu định xứ,**  
*Bày [sách vở], Có quy định chỗ,*

## 讀看畢 還原處

**Độc khán tất, Hoàn nguyên xứ.**  
*Đọc xem xong, Trả ban đầu chỗ.*

Kinh điển sách vở phải phân loại, sắp xếp theo thứ tự, đặt trong tủ sách hoặc xếp trên giá sách đúng nơi quy định.

Sau khi đọc sách xong phải để lại chỗ cũ.

---

**Xếp sách vở,  
Nơi quy định,  
Đọc xem xong,  
Để chỗ cũ.**

## 雖有急 卷束齊

**Tuy hữu cấp, Quyển thúc tề,**  
*Dù có gấp, Thu xếp lại buộc ngay ngắn.*

## 有缺壞 就補之

**Hữu khuyết hoại, Tự bổ chi.**  
*Có khuyết hỏng, Tức khắc sửa lại đây.*

Khi đang xem sách đột nhiên có việc gấp, cũng phải nhớ xếp sách lại cho ngay ngắn.

Nếu thấy sách có chỗ nào bị hỏng bị rách, thì phải lập tức sửa lại cho cẩn thận.

---

**Có việc gấp,  
Cất cẩn thận,  
Sách hư rách,  
Sửa lại ngay.**



## 非聖書 屏勿視

**Phi Thánh thư, Bính vật thị,**  
*Không phải Thánh sách, Bỏ chớ xem,*

## 蔽聰明 壞心志

**Tế thông minh, Hoại tâm chí.**  
*Che lấp [thiên tư sáng suốt], Làm hỏng [tư tưởng chí hướng].*

Nếu không phải là sách ghi chép những lời dạy của Thánh Hiền, sách đáng tin cậy do các bậc cổ đức, các tác giả có uy tín biên soạn, tức là những loại sách không có lợi ích cho mình và đặc biệt là những sách nhằm nhí, sách có nội dung không lành mạnh đều phải vứt bỏ, không nên đọc.

Vì những loại sách đó sẽ làm cho thân tâm chúng ta bị ô nhiễm, trí tuệ thông minh bị che lấp, làm hỏng tư tưởng chí hướng của chúng ta.

*(Thánh Hiền: theo cách tôn xưng của Nho giáo chỉ những người có đạo đức và tài năng rất cao, được coi là mẫu mực cho xã hội).*

---

**Sách không quý,  
Chẳng nên xem,  
Hại thông minh,  
Hư tâm chí.**

勿 自 暴 勿 自 棄

Vật tự bạo,  
*Chớ tự nóng vội,*

Vật tự khí,  
*Chớ tự vứt bỏ,*

聖 與 賢 可 馴 致

Thánh dữ Hiền, Khả tuần trí.  
*Thánh và Hiền, Có thể dần dần đạt tới.*

Khi gặp phải khó khăn trở ngại, đừng nản lòng cam chịu, phải giữ chí hướng vững vàng, nỗ lực phấn đấu vươn lên, đừng nên giận đời oán người, than thân trách phận, mà nóng vội lùi bước, vứt bỏ chí hướng của mình.

"Độc thư chí tại Thánh Hiền", người đọc sách học hành phải có chí noi theo gương các bậc Thánh Hiền, chỉ cần có ý chí thật sự cầu tiến bộ thì chúng ta cũng có thể trở thành người có đạo đức tài năng, có thể làm mẫu mực cho xã hội, làm gương cho đời sau, giống như các bậc Thánh Hiền.

---

**Chí vững vàng,  
Đừng lùi bước,  
Thánh và Hiền,  
Dần đạt được.©**



禮

先 學 禮  
後 學 文

雖有急 卷束齊 有缺壞 就補之  
非聖書 屏勿視 蔽聰明 壞心志  
勿自暴 勿自棄 聖與賢 可馴致

弟子規終

方讀此勿慕彼此未終彼勿起  
寬爲限緊用功夫到滯塞通  
心有疑隨札記就人問求確義  
房室清牆壁淨几案潔筆硯正  
墨磨偏心不端字不敬心先病  
列典籍有定處讀看畢還原處

能親仁 無限好 德日進 過日少  
不親仁 無限害 小人進 百事壞  
餘力學文

不力行 但學文 長浮華 成何人  
但力行 不學文 任己見 昧理真  
讀書法 有三到 心眼口 信皆要

恩欲報 怨欲忘 報怨短 報恩長

待婢僕 身貴端 雖貴端 慈而寬

勢服人 心不然 理服人 方無言

親仁

同是人類 不齊流俗 眾仁者希

果仁者 人多畏 言不諱 色不媚



人有短切莫揭人有私切莫說  
道人善即是善人知之愈思勉  
揚人惡即是惡疾之甚禍且作  
善相勸德皆建過不規道兩虧  
凡取與貴分曉與宜多取宜少  
將加人先問己己不欲即速已

凡是人皆須愛天同覆地同載

行高者名自高人所重非貌高

才大者望自大人所服非言大

己有能勿自私人所能勿輕訾

勿諂富勿驕貧勿厭故勿喜新

人不閒勿事攬人不安勿話擾

若衣服 若飲食 不如人 勿生感	聞過怒 聞譽樂 損友來 益友卻	聞譽恐 聞過欣 直諒士 漸相親	無心非 名爲錯 有心非 名爲惡	過能改 歸於無 倘揜飾 增一辜	汎愛眾
-----------------	-----------------	-----------------	-----------------	-----------------	-----

事非宜 勿輕諾 苟輕諾 進退錯

凡道字 重且舒 勿急疾 勿模糊

彼說長 此說短 不關己 莫閒管

見人善 即思齊 縱去遠 以漸躋

見人惡 即內省 有則改 無加警

唯德學 唯才藝 不如人 當自礪

借人物及時還後有急借不難

信

凡出言信爲先詐與妄奚可焉

話說多不如少惟其是勿佞巧

奸巧語穢污詞市井氣切戒之

見未真勿輕言知未的勿輕傳

執虛器 如執盈 入虛室 如有人	事勿忙 忙多錯 勿畏難 勿輕略	鬥鬧場 絕勿近 邪僻事 絕勿問	將入門 問孰存 將上堂 聲必揚	人問誰 對以名 吾與我 不分明	用人物 須明求 倘不問 即爲偷
--------------------------	--------------------------	--------------------------	--------------------------	--------------------------	--------------------------

衣貴潔 不貴華 上循分 下稱家

對飲食 勿揀擇 食適可 勿過則

年方少 勿飲酒 飲酒醉 最爲醜

步從容 立端正 揖深圓 拜恭敬

勿踐闕 勿跛倚 勿箕踞 勿搖髀

緩揭簾 勿有聲 寬轉彎 勿觸棱

事諸父如事父事諸兄如事兄

謹

朝起早夜眠遲老易至惜此時

晨必盥兼漱口便溺回輒淨手

冠必正紐必結襪與履俱緊切

置冠服有定位勿亂頓致污穢



稱尊長 勿呼名 對尊長 勿見能

路遇長 疾趨揖 長無言 退恭立

騎下馬 乘下車 過猶待 百步餘

長者立 幼勿坐 長者坐 命乃坐

尊長前 聲要低 低不聞 卻非宜

進必趨 退必遲 問起對 視勿移

喪盡禮 祭盡誠 事死者 如事生  
出則弟

兄道友 弟道恭 兄弟睦 孝在中  
財物輕 怨何生 言語忍 忿自泯  
或飲食 或坐走 長者先 幼者後  
長呼人 即代叫 人不在 己即到

喪三年常悲咽 居處變酒肉絕	親有疾藥先嘗 晝夜侍不離床	諫不入悅復諫 號泣隨撻無怨	親有過諫使更 怡吾色柔吾聲	親愛我孝何難 親憎我孝方賢	身有傷貽親憂 德有傷貽親羞
------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------

父母教 須敬聽 父母責 須順承

冬則溫 夏則清 晨則省 昏則定

出必告 反必面 居有常 業無變

事雖小 勿擅爲 苟擅爲 子道虧

物雖小 勿私藏 苟私藏 親心傷

親所好 力爲具 親所惡 謹爲去

弟子規

總敘

弟子規 聖人訓 首孝弟 次謹信

汎愛眾 而親仁 有餘力 則學文

入則孝

父母呼 應勿緩 父母命 行勿懶

至樂無如讀書

弟子規

清代

李毓秀編著  
賈存仁修訂

至要莫如教子

--	--	--	--	--	--

弟子規